TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG NGUYÊN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 02 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 17-01-2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Quốc Tú;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Nghĩa Toàn;

2. Bà Dương Thị Hoàn. .

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Hương, cán bộ Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An: Bà Nguyễn Thị Giang, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 134/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30 /2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà NTH, sinh năm 1964. Địa chỉ: Xóm S, xã HN, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông NĐH, sinh năm 1964; Địa chỉ : Xóm M, xã L, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà NTH trình bày: Bà và ông NĐH tự do tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào ngày 02 tháng 10 năm 1985 nhưng không đăng ký kết

1995 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay. Xác định tình cảm không còn bà làm đơn yêu

cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa bà và ông NĐH là vợ chồng để giải phóng cho nhau. Về con chung: Bà H và ông H có 03 con chung tên là NĐH, sinh năm 1986, NĐH, sinh năm 1988 và NĐH, sinh năm 1992. Các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, ông NĐH trình bày: Ông và bà NTH tự nguyện đến với nhau và sống chung như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân. Đến nay tình cảm ông H với Bà H không còn nên đồng ý chấp nhận công nhận ông bà là không phải là vợ chồng. Về con chung: Ông H xác nhận về họ tên, năm sinh các con chung đúng như Bà H trình bày. Các con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lúc mở phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 28, 35, 39 Điều 47, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH, Điều 3 Nghị quyết của Quốc hội số 35/2000/QH10 ngày 9 tháng 6 năm 2000 xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà NTH: cho bà NTH được ly hôn ông NĐH .Về án phí: Buộc bà NTH phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp "Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn". Bị đơn là ông NĐH có hộ khẩu thường trú tại Xóm M, xã L, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An Xóm M, xã L, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà NTH và ông NĐH tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985 đến năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên qua biên bản xác minh giữa những người hàng xóm và chính quyền địa phương thì xác nhận họ là vợ chồng và đã sinh con chung vào năm 1986 và con chung sinh năm 1992. Điều này phù hợp với lời khai của hai ông bà là chung sống đến năm 1995 là vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Căn cứ điểm a Điều 3 Nghị quyết của Quốc hội số 35/2000/QH10 ngày 9 tháng 6 năm 2000 quy định " Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000" xử cho bà NTH được ly hôn ông NĐH như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là phù hợp.

[3].*Về con chung:* Các con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

[4]. *Về tài sản và các khoản nợ:* Bà NTH, ông NĐH không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5].*Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc nguyên đơn bà NTH phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà NTH được ly hôn ông NĐH.

2.Về án phí: Buộc bà NTH phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Hưng Nguyên theo biên lai thu tiền số 00003991ngày 15 tháng 11 năm 2022.

3.*Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- THA DS huyện Hưng Nguyên
- Đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Quốc Tú